

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

TRẦN VĂN TUẤN

**DAY HỌC MÔN MỸ THUẬT THEO HƯỚNG TIẾP CẬN
NĂNG LỰC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẢ SÌN THÀNG,
HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DAY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT
Khóa 4 (2017 – 2019)**

Hà Nội, 2019

**CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT
TRUNG ƯƠNG**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Phạm Minh Phong

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
tại trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương
Vào ngày 6 tháng 11 năm 2019

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thư viện Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Giáo dục và đào tạo có vai trò là nền tảng, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò của giáo dục và đào tạo được thể hiện rõ trong quan điểm của Đảng ở các kì đại hội. Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành TW đảng khóa VIII đã khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay”. Thêm vào đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X cũng nhấn mạnh: “Giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Với vị trí và vai trò quan trọng, giáo dục luôn phải thay đổi và làm mới mình để đáp ứng được những yêu cầu của xã hội. Để làm được điều này, giáo dục cần phải có sự đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo trong đó có đổi mới phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực phát huy tính tích cực học tập của người học. Theo chương trình sách giáo khoa “2000” hiện hành với một thời gian dài, giáo viên được trang bị phương pháp để truyền thụ tri thức cho học sinh theo quan hệ một chiều: Thầy truyền đạt, trò tiếp nhận. Kết quả là học sinh học tập một cách thụ động, thiếu tính độc lập sáng tạo trong quá trình học tập.

Dạy học Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực nhằm trang bị, cung cấp cho các em một số những kiến thức và hiểu biết về nghệ thuật tạo hình thông qua một số kiến thức cơ bản. Với mục tiêu của môn Mỹ thuật là bồi dưỡng, phát triển cho học sinh năng lực thẩm mỹ, sáng tạo với các năng lực thành phần đặc thù của môn học như: quan sát, cảm thụ nghệ thuật, khám phá, thể hiện nghệ thuật, phân tích, đánh giá nghệ thuật, kế thừa, phát huy văn hóa nghệ thuật dân tộc phù hợp với sự phát triển của công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Trường THCS và THPT Tả Sìn Thành là một trường miền núi phía bắc của huyện Tủa Chùa - Điện Biên. Trong những năm qua, trường đã có sự chuyển biến dần về việc sử dụng những phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học tập của học sinh trong môn mỹ thuật. Tuy nhiên, sự chuyển biến chưa mang lại hiệu quả, phần nào vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao việc

nâng cao chất lượng kết quả học tập của trường nhất là với môn Mỹ thuật.

Thực tiễn dạy học môn Mỹ thuật ở Trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên trong những năm qua cho thấy, DH theo tiếp cận năng lực đã được triển khai thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định như phần lớn đội ngũ giáo viên đã có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về dạy học theo TCNL, chất lượng dạy học môn học từng bước được nâng cao, song nhìn chung, kết quả dạy học môn Mỹ thuật trong nhà trường theo TCNL chưa thực sự đáp ứng tốt nhu cầu của người học nói riêng, yêu cầu phát triển dạy học theo TCNL và yêu cầu của xã hội nói chung. Việc này cần phải có công trình nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cần có một cơ sở khoa học (lí luận và thực tiễn) chắc chắn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu sâu sắc hệ thống lí luận, phát hiện, đánh giá thực trạng dạy học môn học theo TCNL, xác định các nguyên nhân, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học môn Mỹ thuật theo TCNL trong nhà trường là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết. Đặc biệt, cho đến nay, trên địa bàn huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu về vấn đề này.

Xuất phát từ cơ sở lí luận và thực tiễn nêu trên chúng tôi chọn đề tài "*Dạy học môn mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên*" để tiến hành nghiên cứu.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Một số công trình nghiên cứu về dạy học theo tiếp cận năng lực ở nước ngoài

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật trong những thập niên cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX tạo ra áp lực đòi hỏi phải gia tăng năng suất lao động. Đứng trước áp lực đó, các nhà giáo dục phải suy nghĩ về việc dạy và học như thế nào cho có hiệu quả để đáp ứng yêu cầu của xã hội nói chung và yêu cầu của sản xuất nói riêng.

Năm 1970 ở Bắc Mỹ, Đào tạo theo NL đã được chấp nhận và vận dụng một cách phổ biến. Đào tạo, theo cách này, không dùng thời gian quy định cho khóa học mà dung lượng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn chuyên môn đã được quy định (Standard of Profession) cho một nghề làm đơn vị đo.

Cuối thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80 ở Mỹ và Canada, giáo dục - đào tạo dựa trên năng lực thực hiện được ứng dụng rộng rãi. Bộ giáo dục

Mỹ đã thành lập một tổ chức liên kết quốc gia các trung tâm giáo dục dựa trên NL.

Năm 1982, William E. Blank đã cho xuất bản tài liệu *Sổ tay phát triển chương trình đào tạo dựa trên năng lực*, cuốn sách đã đề cập những vấn đề cơ bản của GD&ĐT dựa trên NL, phân tích nghề và phân tích nhu cầu người học, xây dựng hồ sơ năng lực người học, phát triển công cụ đánh giá sự hiểu biết và sự thực hiện, phát triển các gói học tập, cải tiến và quản lý chương trình đào tạo.

Năm 1995, John W Burke đã xuất bản tài liệu *Giáo dục và đào tạo dựa trên NL*, trong tài liệu này tác giả đã trình bày nguồn gốc của giáo dục và đào tạo dựa trên NL, quan niệm về NL và tiêu chuẩn NL, về vấn đề đánh giá dựa trên NL và cải tiến chương trình đào tạo dựa trên NL.

Năm 1995, tác giả Shirley Fletcher viết cuốn *Các kỹ thuật đánh giá dựa trên năng lực thực hiện*, trong đó phân tích sự khác biệt về đào tạo theo NL ở Anh và Mỹ, các nguyên tắc và thực hành đánh giá theo tiêu chuẩn, mục tiêu và sử dụng đánh giá dựa trên NL, việc thiết lập các tiêu chí cho sự thực hiện, thu thập bằng chứng cho đánh giá NL. Tuy nhiên, tác giả mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu đánh giá dựa trên NL, một khâu của quá trình dạy học.

Đến 1997, Shirley Fletcher đã cho ra đời tài liệu *Thiết kế đào tạo dựa trên năng lực thực hiện*, trong đó đề cập các cơ sở khoa học của việc thiết lập các tiêu chuẩn đào tạo, các kỹ thuật phân tích nhu cầu người học và phân tích công việc, xây dựng mô đun dạy học và khung chương trình.

2.2. Một số công trình nghiên cứu về dạy học theo tiếp cận năng lực ở Việt Nam

Ở Việt Nam đã có nhiều quan điểm đã được nghiên cứu, trong đó quan điểm “dạy học theo tiếp cận năng lực”, hay cuộc cách mạng công nghiệp (The Fourth Industrial Revolution) là kỉ nguyên công nghiệp lớn, cuộc cách mạng này gọi là cuộc cách mạng số thông qua các công nghệ như Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, tương tác thực tại ảo, mạng xã hội. Trong lĩnh vực giáo dục, những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ thay đổi cách dạy và học. Người học được hỗ trợ những phương tiện tạo nên những cảm giác như đang ngồi trong lớp nghe giảng, ngắm nhìn di tích, mang lại cảm xúc và ghi nhớ sâu sắc, giúp bài học sâu sắc hơn.

Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Giáo trình phương pháp dạy - học Mỹ thuật*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. Cuốn sách đưa ra những vấn đề chung về dạy học mỹ thuật cũng như đặc điểm và những phương pháp thường vận dụng trong dạy học các phân môn trong bộ môn Mỹ thuật. Đồng thời cung cấp những thông tin cần thiết về cách thiết kế bài dạy, làm đồ dùng trực quan,... phục vụ cho bài giảng.

Nguyễn Thu Tuấn (2011), *Phương pháp dạy học Mỹ thuật (Tập 1 + Tập 2)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. Trong hai cuốn sách này, tác giả bài viết chú trọng cập nhật những đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học Mỹ thuật, sử dụng kết hợp các phương tiện dạy học cũng như đổi mới về cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập mỹ thuật của HS, theo hướng tích cực hóa người học, để khi ra trường họ có thể dạy tốt môn Mỹ thuật ở các bậc học. Đồng thời, còn dùng làm tài liệu học tập, hỗ trợ kiến thức để làm đề tài nghiên cứu khoa học cho học viên các hệ tại chức, từ xa và cao học thuộc chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật, phù hợp với việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên Mỹ thuật các trường phổ thông.

Tóm lại, đã có nhiều công trình nghiên cứu về dạy học theo TCNL ở trong và ngoài nước. Nhiều công trình của các học giả trên thế giới đã triển khai có hiệu quả trong thực tiễn dạy học trong các nhà trường.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất các biện pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học Mỹ Thuật ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa, Tỉnh Điện Biên.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận dạy học môn mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Khảo sát đánh giá thực trạng DH môn Mỹ Thuật ở trường THCS Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đề Xuất các biện pháp dạy học môn Mỹ Thuật ở trường THCS và THPT Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Tiến hành thực nghiệm sư phạm

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp dạy học môn Mỹ thuật ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian nghiên cứu: trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Phạm vi nghiên cứu dạy học môn Mỹ Thuật của học sinh trung học cơ sở và thực nghiệm khối học sinh lớp bảy

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Nghiên cứu, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa các tài liệu liên quan đến việc dạy học môn Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường Trung học cơ sở.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp quan sát:
- Phương pháp đàm thoại:
- Phương pháp điều tra:

Tiến hành khảo sát thực trạng bằng anket với hệ thống câu hỏi để thăm dò ý kiến của cán bộ quản lí, GV và HS về thực trạng sử dụng PPDH theo định hướng PTNL người học bộ môn MT tại trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động sư phạm:* Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động được sử dụng trong việc nghiên cứu, đánh giá các sản phẩm có liên quan đến quá trình dạy học môn Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm:* Thực nghiệm sử dụng các biện pháp dạy học môn Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

5.3. Nhóm phương pháp nghiên cứu hỗ trợ

Sử dụng các công thức toán thống kê để xử lý số liệu về thực trạng dạy học môn Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

6. Những đóng góp của luận văn

- Đề tài là công trình khoa học mang tính định hướng về dạy học môn Mỹ thuật theo tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến dạy học môn Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sơn Thành, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Thông qua luận văn này, nhằm rút ra những kinh nghiệm cho giáo viên đang dạy học môn Mỹ Thuật biết cách vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sơn Thành, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của luận văn được thể hiện ở 2 chương.

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của đề tài.

Chương 2: Biện pháp dạy học môn Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sơn Thành, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Chương 1

CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài

1.1.1. Dạy học

Dạy học không đơn giản là truyền đạt và lĩnh hội tri thức, kỹ năng, chuẩn mực thái độ mà đó là xử lý, tổ chức lại, nâng cấp, mở rộng và cuối cùng là phát triển kinh nghiệm xã hội ở cá nhân để tạo nên giá trị mới hơn, cao hơn, hữu ích hơn, hiệu quả hơn ở chính họ. Qua hoạt động và giao tiếp xã hội, họ mang những giá trị mới đó đóng góp vào xã hội và làm phong phú, phát triển kinh nghiệm xã hội ở thế hệ tiếp sau. Nhờ qui luật này mà xã hội loài người phát triển liên tục, thế hệ sau về nguyên tắc phát triển cao hơn thế hệ trước.

Phương thức cơ bản nhất của dạy học là quá trình dạy học - đó là quá trình xã hội hóa cá nhân bằng các công cụ vật chất và tinh thần cụ thể, được hoạch định chặt chẽ về nhiều mặt, được tiến hành có hệ thống, có nguyên tắc, có phương pháp và phương tiện nhất định.

1.1.2. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học là cách người dạy - giáo viên thực hiện tổ chức các hoạt động dạy của mình và cách tổ chức các hoạt động học của người học - học sinh. Trong hai quá trình đó thì

phương pháp dạy của giáo viên là quan trọng hơn cả nó quyết định và điều khiển phương pháp học của người học.

Cách hiểu thứ nhất phản ánh quan niệm cũ về vai trò của người GV trong QTDH: GV là nhân vật trung tâm giữ vai trò chủ đạo, hoạt động tích cực, còn HS thì thụ động thực hiện và tiếp thu, lĩnh hội kiến thức do giáo viên truyền đạt. Quan niệm này dẫn tới chỗ coi các PPDH đều là phương pháp của GV.

Cách hiểu thứ hai dung hoà hơn, coi PPDH là một sự phối hợp của hai hoạt động dạy và học. Nhiệm vụ truyền đạt tri thức của thầy cũng quan trọng như việc lĩnh hội tri thức của trò.

Cách hiểu thứ ba là cách tiếp cận DH tích cực, nhấn mạnh vai trò của người học trong quá trình học tập và GV được coi là người hỗ trợ hướng dẫn.

1.1.3. Phương pháp dạy học môn Mỹ thuật

Trong môn Mỹ thuật, việc hướng dẫn học sinh vẽ tranh theo đề tài trong chương trình đều đã có mô típ quy trình chung: phác thảo mảng chính, mảng phụ lên mặt giấy, sau đó dựa vào các mảng đã tạo để vẽ hình, sau cùng là phối vẽ màu cho phù hợp. Đây chính là hướng dẫn cho học sinh cách vẽ khoa học, hiệu quả, chính xác.

Tuy nhiên trong thực tế dạy học, phần lớn các em học sinh đã bỏ qua công đoạn phác thảo mảng chính, mảng phụ để đi tới vẽ hình ngay, điều này diễn ra thường xuyên ở các đối tượng học sinh khối dưới (khối lớp 6,7) vì các em cảm thấy không cần thiết, lâu hơn trong việc phác thảo các mảng chính, phụ, cùng với đó là việc phác thảo các em mới làm quen nên nét phác thảo còn chậm, vụng về điều này khiến các em dễ nản lòng và bỏ qua.

1.1.4. Năng lực

Theo quan điểm của những nhà tâm lý học *năng lực* là tổng hợp các đặc điểm, thuộc tính tâm lý của cá nhân phù hợp với yêu cầu đặc trưng của một hoạt động, nhất định nhằm đảm bảo cho hoạt động đó đạt hiệu quả cao.

Năng lực chung là năng lực cần thiết cho nhiều ngành hoạt động khác nhau như năng lực phán xét tư duy lao động, năng lực khái quát hoá, năng lực lát tập, năng lực tưởng tượng

Năng lực chuyên môn là năng lực đặc trưng trong lĩnh vực nhất định của xã hội như năng lực tổ chức, năng lực âm nhạc, năng lực kinh doanh, hội hoạ, toán học... Năng lực chung và năng lực chuyên môn có quan hệ qua lại hữu cơ với nhau, năng lực chung là cơ sở của

năng lực chuyên môn, nếu chúng càng phát triển thì càng dễ thành đạt được năng lực chuyên môn.

Năng lực con người bao giờ cũng có mầm mống bẩm sinh tùy thuộc vào sự tổ chức của hệ thống thần kinh trung ương, nhưng nó chỉ được phát triển trong quá trình hoạt động phát triển của con người, trong xã hội có bao nhiêu hình thức hoạt động của con người thì cũng có bấy nhiêu loại năng lực.

Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

1.1.5. Dạy học theo hướng phát triển năng lực hiện nay

Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực này là thiết kế các hoạt động, nhằm tích cực hoá hoạt động của người học, kích thích óc sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tự giám sát và đánh giá kết quả học tập của người học; chú trọng sử dụng tích hợp nhiều phương tiện truyền đạt khác nhau (tài liệu in, băng hình/ băng tiếng...) giúp cho người học dễ học, dễ hiểu và gây được hứng thú học tập.

Chương trình Mỹ thuật giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực với các thành phần như quan sát nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng Mỹ thuật, phân tích và đánh giá thẩm mỹ.

1.2. Môn Mỹ thuật hiện hành của Bộ Giáo Dục và Đào tạo trong nhà trường Trung học cơ sở

1.2.1. Mục tiêu

Môn MT trong trường THCS không đòi hỏi trình độ cao hay đòi hỏi trình độ trở thành những người chuyên nghiệp về Mỹ thuật mà môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở chỉ nhằm giáo dục thẩm mỹ cho học sinh là chủ yếu tạo điều kiện cho các em bước đầu được tiếp xúc, làm quen, thưởng thức nghệ thuật thị giác và từ đó tập tạo ra cái đẹp vào học tập và có thể ứng dụng vào trong sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày, làm chủ kiến thức, vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, nhờ đó có được cuộc sống ý nghĩa và đóng góp, tạo dựng môi trường thẩm mỹ cho xã hội vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

1.2.2. Nhiệm vụ

Giáo dục thẩm mỹ tạo điều kiện để cho HS tiếp xúc trực tiếp với văn hóa thị giác và làm quen hơn với cái đẹp về bố cục, hình tượng, đường nét, màu sắc và sự đa dạng, phong phú về các cách thể hiện, góp phần tạo môi trường thẩm mỹ cho xã hội. Ngoài ra còn cung cấp cho HS một số kiến thức cơ bản, phổ thông về Mỹ thuật, giúp các em có thể giải quyết các mục tiêu của bài học trong chương trình theo nhận thức và cảm nhận riêng của bản thân. Từ đó học sinh nhận thức sâu sắc hơn về đẹp và giá trị nghệ thuật của các công trình, tác phẩm Mỹ thuật thông qua các bài học trong phân môn thường thức Mỹ thuật. HS hiểu biết sơ lược về lịch sử Mỹ thuật Việt Nam và lịch sử Mỹ thuật thế giới qua một số tác phẩm tiêu biểu. Từ đó HS ý thức hơn trong việc tiếp thu và kế thừa bản sắc văn hóa đặc sắc của dân tộc cũng như tinh hoa sáng tạo trong nghệ thuật của các nền văn hóa thế giới.

1.2.3. Nội dung chương trình

Yêu cầu của các phân môn là :

Vẽ theo mẫu: Hiểu khái niệm và phương pháp, các bước tiến hành bài vẽ ở mức cơ bản, phổ thông. Rèn luyện cho học sinh óc quan sát, khả năng phân tích nhận xét để vẽ hình, gọi đậm nhạt cơ bản đen trắng để từ đó chuyển sang đậm nhạt cảm nhận bằng màu sắc một màu hoặc nhiều màu. Vẽ theo mẫu là bước đầu tạo cơ sở thuận lợi và cách nhìn để học tập phân môn vẽ trang trí, vẽ tranh.

Vẽ trang trí: Hiểu khái niệm và đặc điểm, các bước tiến hành bài vẽ trang trí cơ bản và có thể ứng dụng vào trang trí ứng dụng như trang trí các đồ vật hay trang trí cái đĩa hay cái khăn trải bàn ở mức độ đơn giản. Bồi dưỡng năng lực thẩm mỹ, sáng tạo thông qua ngôn ngữ tạo hình, biết cách điệu hoa lá hay côn trùng, động vật để sắp xếp bố cục, đường nét, hình mảng và màu sắc để tạo sản phẩm trang trí từ trang trí cơ bản sang trang trí ứng dụng.

Vẽ tranh: Hiểu các lựa chọn nội dung, hình ảnh, các bước tiến hành bài vẽ như biết sắp xếp bố cục các mảng chính, mảng phụ sao cho có trọng tâm là mảng chính, mảng phụ hỗ trợ cho mảng chính làm cho bố cục thêm chặt chẽ hơn. Phát triển khả năng tư duy tưởng tượng, giải quyết tương quan hình mảng, đậm nhạt, phát huy tính sáng tạo và cách nhìn, cách cảm, cách thể hiện riêng trong bài vẽ tranh.

Thường thức mỹ thuật: Giáo dục thẩm mỹ, cuộc đời sự nghiệp của các họa sĩ nổi tiếng trên thế giới và trong nước, biết các công trình kiến trúc tiêu biểu của thế giới, thông qua các công trình, sản

phẩm, tác phẩm Mỹ thuật tiêu biểu. Nâng cao năng lực phân tích tác phẩm thông qua biểu hiện của ngôn ngữ tạo hình, trau dồi thêm kiến thức để vận dụng vào các bài của môn MT.

1.2.4. Cấu trúc chương trình

Là môn học được cấu tạo chính thức trong chương trình giáo dục phổ thông, bình đẳng với môn học khác với nội dung giáo dục Mỹ thuật được thiết kế theo hướng tích hợp nhằm hình thành cho học sinh khả năng quan sát và cảm thụ nghệ thuật, nhận thức và biểu đạt thế giới, hình thành và phát triển khả năng đọc, hiểu tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật; tạo cơ hội cho học sinh thực hành, trải nghiệm và phát triển năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề phân phối chương trình giáo dục mỹ thuật theo chương trình phổ thông.

1.2.5. Vị trí, vai trò

Day MT ở trường phổ thông là dạy cho học sinh bước đầu biết và tập nhận thức ra cái đẹp để từ đó tập tạo ra cái đẹp và vận dụng những hiểu biết của mình về cái đẹp ứng dụng vào học tập, vào sinh hoạt hằng ngày, và cho công việc mai sau – đây chính là việc mang tới cho các em học sinh khả năng phát triển toàn diện phù hợp với xu thế giáo dục mới ngày nay. Vì thế, từ xưa đến nay, trên thế giới, các trường học đều dạy MT, người ta coi nó là môn học phổ thông, môn học bắt buộc với tất cả học sinh.

1.3. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh trường Trung học cơ sở

1.3.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học cơ sở

Học sinh THCS khi nhận biết sự vật hiện tượng thì các em có khả năng phân tích, tổng hợp cụ thể sâu sắc hơn các em học tiểu học, ở lứa tuổi này khả năng tư duy của các em dần hoàn thiện và nó mang đến những khả năng cao hơn cho các em trong học tập.

Học sinh THCS tuy có ngôn ngữ tạo hình đơn giản nhưng cũng rất sáng tạo và phong phú. Các em khi vẽ tranh thường tự lựa chọn cho mình những nội dung mình yêu thích, gần gũi tuy nhiên việc bố cục nội dung còn nhiều thiếu sót, chưa đầy đủ.

Do điều kiện trong trường học nên chất liệu các em sử dụng để vẽ tranh thường là bút dạ, màu nước hay màu sáp từ đó tranh vẽ của các em luôn mang những gam màu sáng sủa, tươi tắn nên sự chênh lệch giữa các gam màu là rất lớn. Đa số các em đã lựa chọn được mảng chính, phụ để tô màu cho phù hợp.

Với những tranh vẽ theo đề tài của học sinh THCS chủ yếu là khối 6, 7, 8, 9 thì khi các em tiến hành vẽ thường là không hoặc ít

quan tâm tới bố cục bài vẽ, các mảng chính, phụ thường ít quan tâm hoặc chưa thể hiện rõ nét vì thế nên sau khi vẽ bố cục thường không cân đối. Tuy vậy các em đã biết sử dụng những nét thẳng vẽ nhà cửa, cảnh vật còn nét cong mềm vẽ người hoặc kết hợp cả hai nét cong và thẳng để hoàn thiện tranh vẽ.

1.3.2. Đặc điểm sinh lý của học sinh Trung học cơ sở

Bước vào tuổi thiếu niên những đặc điểm về cơ thể và sinh lý của các em bắt đầu có sự thay đổi mạnh mẽ. Đây là giai đoạn phát triển nhanh, mạnh mẽ nhưng không đồng đều về mặt cơ thể và ở mỗi cơ thể khác nhau thì sự phát triển cũng khác nhau. Vì vậy ở lứa tuổi này có em thì mập, em thì gầy em thì vôi vàng lông ngóng dễ làm đổ, vỡ...

1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến dạy học theo hướng phát triển năng lực ở trường Trung học cơ sở

Dạy học theo hướng phát triển năng lực ở trường THCS chịu ảnh hưởng của rất nhiều các yếu tố khác nhau, chúng ta có thể nhắc tới một số yếu tố cơ bản như: Cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học là điều kiện cơ bản quyết định sự vận động, phát triển bền vững của nhà trường, việc huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục nhằm tăng khả năng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học tiến tiến hiện đại trong nhà trường, đã từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục giúp mang đến hiệu quả giáo dục toàn diện trong nhà trường hiện nay..

1.4. Khái quát về trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sơn Thành, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

1.4.1. Khái quát về trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sơn Thành

1.4.1.1. Sự hình thành và phát triển

Trường THCS Tả Sơn Thành được thành lập theo Quyết Định số 05/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên với tên gọi là trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sơn Thành, huyện Tủa Chùa. Làm nhiệm vụ giáo dục toàn diện, nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực cho các xã thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên. Sau 10 năm thành lập trường đã trở thành điểm đến đáng tin cậy của con em người dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn của huyện Tủa Chùa. Trong báo cáo tổng kết sau 10 năm thành lập Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận từ UBND tỉnh Điện Biên, Sở GD và ĐT Điện Biên, UBND

huyện Tủa Chùa. Trường được đặt tại trung tâm của xã Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên, cách trung tâm huyện khoảng 37 km về phía Bắc và cách trung tâm tỉnh Điện Biên khoảng 164 km là một trong những xã đặc biệt khó khăn của huyện Tủa Chùa. Phía Bắc giáp với huyện Sin Hồ (Lai Châu), phía Đông giáp với huyện Quỳnh Nhai (Sơn La), phía Nam giáp với huyện Tuần Giáo, phía Tây giáp với huyện Mường Chà và thị xã Mường Lay (Điện Biên). Sinh sống tại địa bàn xã chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, trong đó chiếm tỉ lệ lớn nhất là người Mông (67,28%), Xạ phang (5,07%). Trong đó các em học sinh của nhà trường 100% là học sinh dân tộc (Mông, Hoa, Thái). Đặc biệt là tất cả các em học sinh đều ở nội trú nhà trường.

1.4.1.2. Đội ngũ giáo viên

| TT | Môn học | Số lượng |
|----|-------------------|----------|
| 1 | Toán học | 5 |
| 2 | Vật lý | 3 |
| 3 | Hóa học | 2 |
| 4 | Sinh học | 2 |
| 5 | Ngữ văn | 3 |
| 6 | Lịch sử | 3 |
| 7 | Địa lý | 2 |
| 8 | Giáo dục công dân | 1 |
| 9 | Tiếng Anh | 3 |
| 10 | Tin học | 2 |
| 11 | Thể dục | 2 |
| 12 | Mỹ thuật | 1 |
| 13 | Âm nhạc | 1 |
| 14 | Công nghệ | 1 |

[Nguồn: Trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng]

1.4.1.3. Cơ sở vật chất

Khu phòng học, phòng bộ môn:

- Trường có đủ phòng học cho 14 lớp học 2 ca, lớp học thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, bảng chống lóa đúng quy cách hiện hành.

- Có phòng y tế trường học đảm bảo theo quy định.

- Có đủ phòng thí nghiệm, phòng thực hành: Lí, Hóa, Sinh, phòng Tin học. Phòng tiếng anh

Khu phục vụ học tập:

- Có thư viện đạt tiêu chuẩn với hơn 4000 đầu sách, truyện tham khảo và luận thư viện trường luôn chú trọng phát triển nguồn tư liệu điện tử gồm: tài liệu, sách giáo khoa, giáo án, câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, đề thi,... đáp ứng đầy đủ yêu cầu tham khảo của cả giáo viên và học sinh trong nhà trường.

- Có phòng truyền thống, khu luyện tập thể dục, thể thao, phòng Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên.

Khu văn phòng:

Có 1 phòng Hiệu trưởng, 2 phòng Phó hiệu trưởng, 1 phòng họp, 1 phòng thường trực. 1 phòng kế toán, 1 phòng y tế, 1 phòng thủ quỹ.

Khu sân chơi: Diện tích 1000 m² có nền bê tông phục vụ cho các hoạt động tập thể, có hai sân bóng chuyền phục vụ cho các em chơi thể dục thể thao và có cây xanh bóng mát.

Khu khuôn viên xanh: nhà trường có khu khuôn viên xanh cho học sinh, tạo khu cho các em có nơi hòa mình vào không gian thiên nhiên phục vụ cho việc giải trí sau giờ học, tạo tâm lý thoải mái sau giờ học căng thẳng.

Khu vệ sinh: Có khu vệ sinh của giáo viên, khu vệ sinh của học sinh đảm bảo sạch sẽ không ô nhiễm môi trường. Trường có 4 máy lọc nước đặt ở 4 khu A nữ, khu A nam, khu B nam và khu C đảm bảo dùng nước sạch, hệ thống thoát nước bố trí khoa học, sử dụng có hiệu quả, hợp vệ sinh [53].

1.4.2. Thực trạng nhận thức của giáo viên và học sinh về vai trò của môn mỹ thuật

1.4.2.1. Về phía giáo viên bộ môn Mỹ thuật

Giáo dục thẩm mỹ trong nhà trường là nhiệm vụ chủ yếu và không thể thiếu trong môi trường sư phạm, là một yêu cầu quan trọng và cần thiết vì nó giúp học sinh cảm nhận được những điều tốt, những cái đẹp xung quanh mình, tạo điều kiện cho các em được tiếp xúc, làm quen với cái đẹp, thưởng thức cái đẹp và hành động theo cái đẹp từ đó, các em có ý thức và nhận thức sâu xa từ đó tạo ra được cái đẹp góp phần tô điểm cho cuộc sống giúp các em yêu thích thiên nhiên và yêu đời hơn, góp phần tạo dựng môi trường thẩm mỹ tốt cho xã hội. Giáo viên luôn nhận thức đúng đắn những mục tiêu giáo dục toàn diện.

Môn học MT ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng chiếm vị trí không thể thiếu trong hoạt động giáo dục ở trường nhưng thực tế với cách dạy theo phương pháp dạy học truyền thống chưa đáp ứng được hết hiệu quả giáo dục cho học sinh biết cảm nhận và phát năng lực thẩm mỹ mặc dù đây là một trong những yếu tố cần thiết nhất giúp các em hình thành và phát triển nhân cách một cách toàn diện của những con người, hầu như cách dạy vẫn theo cách dạy truyền thống đọc và chép, học sinh chưa được quan sát vật mẫu thật nên học sinh chỉ hiểu theo mơ hồ nên các em chưa biết cách và có năng lực quan sát cảnh vật, đồ vật xung quanh, khả năng tư duy hình tượng chưa được cao, vì vậy tính sáng tạo của các em chưa phát triển mạnh. Các em biết cảm nhận cái đẹp, biết yêu thích thiên nhiên, biết quý trọng mọi đồ vật và thế giới xung quanh chỉ là trong lý thuyết sách vở chưa được va chạm thực tế.

1.4.2.2. Về phía học sinh

Đối với học sinh trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng ở vùng miền núi hầu hết các em là học sinh dân tộc thiểu số chính vì vậy việc học theo dạy truyền thống đọc chép đã quen với các em, việc tiếp cận học theo phương pháp mới và các kỹ thuật dạy học mới còn bỡ ngỡ với các em và hạn chế. Việc nhận thức học sinh các em còn gặp nhiều khó khăn, việc học môn Mỹ thuật ở vùng miền núi còn chưa được chú trọng, các em chưa được tiếp cận những cách học mới vì cơ sở vật chất chưa đầy đủ, chưa có phòng học chức năng cho môn Mỹ thuật, các em chưa được va chạm những chất liệu mới như màu vẽ. Các em chỉ biết đến màu sáp thông thường, tranh ảnh tư liệu Mỹ thuật còn ít chưa đảm bảo được việc học của các em. Để học sinh phát huy được năng lực học tập thì các em phải được va chạm được làm quen với những cái mới như chất liệu màu, hay được tự tay trải nghiệm thực sự. Học sinh có phòng học chức năng tạo không gian hứng thú cho học sinh, khi đó học sinh mới phát huy được năng lực quan sát, sáng tạo trong học tập. Môn Mỹ thuật có tính liên thông tích hợp được nhiều với các môn học khác.

1.4.3. Thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học môn mỹ thuật

Dạy và học Mỹ Thuật ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng không phải là đào tạo ra những điều quá xa vời, đặc biệt mà chủ yếu nhằm giáo dục cho các em biết yêu và cảm nhận cái đẹp ngay cả trong đời sống thường nhật. Nhưng học sinh muốn có những cảm nhận, những cái nhìn đúng không lệch lạc thì cần truyền đạt vốn kiến

thức bổ ích. Đối với môn học Mỹ Thuật việc truyền thụ kiến thức là một công việc quan trọng. Qua đây, học sinh hình thành kỹ năng cảm thụ thẩm mỹ và kỹ năng thực hành. Mặt khác, hiện nay phương pháp dạy học truyền thống “đọc chép” thụ động không đáp ứng được lối tư duy sáng tạo, năng động và tích cực của học sinh.

Sau đây là những giai đoạn và các bước tiến hành cụ thể quá trình lên lớp như sau:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Bước 1. Nghiên cứu nội dung, chương trình dạy học, xác định chủ đề và mục tiêu bài dạy.

Bước 2. Thiết kế kế hoạch giờ học theo bài dạy đã xác định.

Giai đoạn 2: Thực hiện tổ chức giờ dạy ở trên lớp

Bước 3: Thực hiện hoạt động vào bài và nêu chủ đề của bài học.

Bước 4: Thông báo mục tiêu của bài học.

Bước 5: Tổ chức hoạt động phối hợp giữa giáo viên và học sinh nhằm cung cấp những nội dung kiến thức mới cho học sinh.

Bước 6: Tổ chức hoạt động phối hợp giữa giáo viên và học sinh nhằm giúp học sinh chuyển hóa hệ thống kiến thức vào các hoạt động thực hành, qua đó hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh.

Giai đoạn 3: Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học

Bước 7: Giao chủ đề, nội dung kiểm tra cho học sinh.

Bước 8: Phân tích những thông tin thu được từ kiểm tra, trên cơ sở đó đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Bước 9: Phân tích kết quả tổ chức giờ học phân chia thành 4 nhóm trong dạy học, xác định những kết quả đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại, trên cơ sở đó nghiên cứu, áp dụng các biện pháp tăng cường kết quả hoạt động dạy của giáo viên.

1.4.4. Thực trạng kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn mỹ thuật

Đánh giá hướng tới sự cảm thụ và gây thiện cảm với đối tượng để thực hiện bài vẽ là đực trung của môn học mỹ thuật. Trong quá trình dạy học, giáo viên luôn hướng học sinh cảm thụ những vẻ đẹp vốn có của đối tượng, để hình thành các giá trị của thẩm mỹ thông qua đường nét màu sắc, hình ảnh, tỉ lệ phục vụ cho bài vẽ đúng vẽ đẹp, vì vậy trong đánh giá cũng cần quan tâm đặc biệt tới mặt cảm thụ của học sinh.

Đánh giá kết quả của học sinh THCS theo các mức độ giỏi, khá, trung bình. Cần động viên khen ngợi các em học sinh có bài vẽ đẹp để khích lệ tinh thần học tập chung. Các bài đạt yêu cầu sẽ gây niềm

tự tin cho học sinh, các bài có tiên bộ sẽ động viên các em cố gắng học tập hơn. Hình thức đánh giá được thể hiện ở các bài thực hành.

- Loại giỏi: gồm những bài vẽ, cách thể hiện có tính sáng tạo riêng về bố cục, cách xây dựng hình tượng, cách vẽ màu, là những câu trả lời đúng với nội dung lập luận theo cách nghĩ, cách cảm của mình khi trả lời câu hỏi.

- Loại khá: gồm các bài có cái đẹp mang tính tổng thể đạt yêu cầu về bố cục, hình vẽ, màu sắc, là những câu hỏi có nội dung với chương trình.

- Loại đạt và chưa đạt: là những bài vẽ không có gì nổi bật hoặc chưa đẹp, chưa đúng yêu cầu, là những câu hỏi sai so với kiến thức đã được học.

Tiểu kết chương 1

Dạy học mỹ thuật theo hướng TCNL là một xu thế trong giáo dục hiện đại, có ý nghĩa quan trọng đối với học sinh và nhà trường trong bối cảnh xã hội phát triển như hiện nay. Hiện nay, dạy học chưa được nhiều giáo viên hiểu đúng bản chất và tại Trường THCS cũng chưa chính thức đưa hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh. Việc đưa hoạt động dạy học môn Mỹ Thuật theo hướng TCNL vào dạy học. Để thực hiện có hiệu quả để định hướng việc học tập cần hoàn thiện cơ sở lý luận với vấn đề cơ bản môn Mỹ thuật về nội dung, phương pháp.

Chương 2

BIỆN PHÁP DẠY HỌC MÔN MỸ THUẬT Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẢ SÌN THÀNG, HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

2.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

2.1.1. Đảm bảo tính mục đích

Nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp sử dụng PPDH tích cực trong DH phân môn MT ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên được nghiên cứu đề xuất cần góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu DH phân môn đã xác định. Cụ thể:

- Giúp học sinh chiếm lĩnh được các kiến thức về lịch sử Mỹ thuật Việt Nam và thế giới.

- Giúp học sinh hình thành và phát triển khả năng cảm thụ cái đẹp trong nghệ thuật tạo hình qua đường nét, hình mảng, hình khối,

bố cục, không gian, ánh sáng, màu sắc.. hình thành và phát triển được lòng tự hào về truyền thống văn hóa của dân tộc.

- Giúp học sinh có khả năng thực hiện các hoạt động hướng vào việc duy trì và phát triển những thành tựu nghệ thuật của cha ông để lại.

2.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn

Mỗi học sinh đều mang trong mình những tiềm năng nghệ thuật nhất định. Không phủ định những giá trị cơ bản của không gian học tập theo kiểu truyền thống, nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận rằng nếu được hoạt động trong một môi trường đào tạo mỹ thuật lý tưởng thì học sinh sẽ dễ dàng bộc lộ những khả năng, năng khiếu của mình hơn.

2.1.3. Đảm bảo tính khoa học

Người học cần được trang bị những tri thức khoa học chân chính, phải dần dần giúp học sinh phát triển được những năng lực hiện đại, thiết thực cho phù hợp với yêu cầu mới ngày càng cao của xã hội. Thông qua đó mà phát triển của con người hiện đại một cách toàn diện.

Người học không chỉ được phát triển tri thức mà còn phải được phát triển nhân cách, phát triển khả năng ham học hỏi để từ đó nuôi dưỡng ý chí phấn đấu của người học. Bởi chỉ có học tập những tri thức mới mẻ và đúng đắn mới khiến cho con người ta phát triển tiến về phía trước.

Chính vì vậy, để thực hiện nguyên tắc này cần phải:

- Trang bị những tri thức khoa học chân chính.
- Trang bị những hiểu biết về mọi mặt đời sống xã hội, văn hóa, chính trị, lịch sử, địa lý... Từ đó giáo dục cho học sinh tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân.
- Bồi dưỡng cho các em biết phân định nhìn nhận sự vật hiện tượng tốt-xấu, đúng-sai...
- Hướng các em làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học ở mức độ đơn giản nhằm tăng niềm yêu thích khám phá, nghiên cứu khoa học cho các em.

2.1.4. Đảm bảo tính đồng bộ

Con đường đi từ lý luận đến thực tiễn chưa bao giờ là đơn giản. Để thực hiện được điều đó cần có một quy trình cụ thể. Việc dạy học môn Mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở Trường THCS và THPT Tả Sin Thàng cũng vậy, để thực hiện được điều này thì các

giải pháp đề ra phải đảm bảo tính đồng bộ và nguyên tắc này được thể hiện ở những yếu tố sau:

Phải xác định rõ bản chất, mục tiêu của hoạt động dạy học môn mỹ thuật cần đạt được. Có làm tốt bước này mới có thể lựa chọn chính xác nội dung dạy học và việc sử dụng phương pháp gì để có thể thực hiện được điều đó.

Hoạt động thảo luận, thực hành của học sinh phải theo đúng qui trình ngay từ đầu, bởi nếu giai đoạn này không chuẩn thì sẽ trở thành thói quen xấu rất khó khắc phục.

2.1.5. Đảm bảo tính hiệu quả

Các biện pháp được nghiên cứu đề xuất cần mang lại những kết quả thiết thực trong quá trình sử dụng, cụ thể:

- Đổi mới PPDH phương pháp dạy học.
- Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV Mỹ thuật về đổi mới phương pháp DH trong phân môn Mỹ thuật ở trường THCS.
- Giúp GV Mỹ Thuật thực hiện được vai trò chủ đạo của mình và giúp học sinh thể hiện được tính tích cực, chủ động, độc lập, sáng tạo của mình trong quá trình DH phân môn Mỹ Thuật, để học sinh có thể phát huy được hết các năng lực học tập, các phẩm chất chung và các phẩm chất chuyên biệt .
- Góp phần từng bước nâng cao kết quả học tập của học sinh nói riêng và chất lượng DH phân môn Mỹ Thuật nói chung trong nhà trường.

2.2. Một số biện pháp dạy học môn Mỹ Thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sơn Thành, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

2.2.1. Thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ Thuật theo tiếp cận năng lực

Kế hoạch dạy học là những quy định về môn học; trình tự dạy học qua từng năm học; việc tổ chức năm học...

Một kế hoạch dạy học có các yếu tố cơ bản sau:

Quan hệ giữa các thành phần môn học với lớp học.

Quan hệ giữa thành phần môn học với thời gian học.

Cấu trúc bảo học và thời gian dạy học.

Để có thể soạn được một giáo án, người giáo viên cần phải thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

Đọc chương trình môn học, xác định vị trí của bài học trong toàn bộ chương trình môn học, trên cơ sở đó phân tích nội dung bài học.

Phân tích môi trường dạy học, phân tích về mặt tâm lí học, phân tích về mặt lí luận giáo dục, phân tích về mặt lí luận dạy học sau đó xác định mục tiêu dạy học, cấu trúc nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và xác định cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học.

2.2.2. Vận dụng các phương pháp dạy học môn Mỹ Thuật theo tiếp cận năng lực

Phương pháp dạy học theo nhóm

Dạy học nhóm còn được gọi là dạy học hợp tác. Trong khi tiến hành áp dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học thì dạy học theo nhóm trở thành một vũ khí rõ nét nhất mà giáo viên sử dụng để dễ dàng phát huy tính tích cực sáng tạo cũng như phát huy được năng lực cho học sinh rõ nét nhất.

Các cách thành lập nhóm

Có nhiều cách chia nhóm khác nhau và giáo viên có thể sáng tạo, linh hoạt trong từng đơn vị kiến thức cụ thể mà lựa chọn cách chia nhóm sao cho phù hợp chứ không cần cố định một cách cho cả năm học.

Kỹ thuật ổ bi

Kỹ thuật “ổ bi” là một kỹ thuật dùng trong thảo luận nhóm, Giáo viên cho học sinh chia thành hai nhóm, một nhóm vòng ngoài và một nhóm vòng trong, ngồi đối mặt nhau như hai vòng của một ổ bi để tạo khi thảo luận mỗi học sinh đều có thể nói chuyện, giao lưu, thảo luận với lần lượt các học sinh ở nhóm khác cho đến khi tìm được kết quả cuối cùng.

Kỹ thuật “bể cá”

Kỹ thuật bể cá là một kỹ thuật thường hay dùng cho thảo luận nhóm, giáo viên tổ chức lớp chia làm 2 hoặc 3 phần, trong đó 1 phần tạo thành 1 nhóm thảo luận ở giữa lớp trong khi đó những thành viên còn lại của lớp thì ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận của nhóm ngồi bên trong giữa lớp, khi hết thời gian thảo luận thì nhóm ngồi ngoài – xung quanh nhận xét về những cách ứng xử của các học sinh trong nhóm thảo luận ở giữa lớp.

2.2.3. Thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Mỹ thuật theo tiếp cận năng lực

Đổi mới việc phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cũng là một trong những cách đổi mới phương pháp dạy học, là một trong những hoạt động quan trọng cần thiết của quá trình dạy học. Thế nên khi kiểm tra đánh giá cần làm thường xuyên, linh

hoạt và cụ thể, luôn sử dụng nhiều cách khác nhau để đánh giá. Có thể kiểm tra đầu giờ học, kiểm tra bài cũ bằng hình thức kiểm tra vấn đáp giáo viên hỏi học sinh trả lời. Ngoài ra còn kiểm tra bằng hình thức cụ thể sau:

- + Kiểm tra, đánh giá lúc đầu giờ bằng hình thức vấn đáp.
- + Kiểm tra, đánh giá lúc quan sát nhận xét.
- + Kiểm tra đánh giá lúc thực hành.
- + Kiểm tra đánh giá, nhận xét cuối giờ học.

Thí dụ kiểm tra đánh giá trong lúc thực hành: khi thực hành giờ vẽ theo mẫu khi có nhiều học sinh mắc lỗi bố cục, giáo viên có thể cho tạm dừng giờ vẽ lại ít phút, sau đó sử dụng bài mẫu và bài lỗi đặt cạnh nhau. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh nhìn vào 2 bài vẽ và tiến hành so sánh, nhận xét để tìm ra điểm giống và khác của bài vẽ mẫu và bài vẽ lỗi. Từ đó học sinh tự nhận ra, tự điều chỉnh, tự bổ sung những chỗ chưa đúng của mình. (Với cách nhận xét đánh giá này, học sinh sẽ trực quan hơn khi tự phát hiện được lỗi của mình).

2.3. Thực nghiệm sư phạm

2.3.1. Khái quát chung

2.3.1.1 Mục đích

Từ những kết quả nghiên cứu về nội dung, phương pháp trong dạy học theo phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh và sử dụng các kĩ thuật dạy học thì đều cần phải tiến hành trên môi trường thật sự thì mới bộc lộ những ưu điểm, cũng như hạn chế. Với nhiều phương pháp dạy học mới thì mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm, Với phương pháp dạy học mới mà học sinh không học được thì cũng không có giá trị bằng một phương pháp cũ, nếu phương pháp này có tính khả thi, có ích đối với học sinh. Trong nghiên cứu khoa học sư phạm, không ít những phương pháp dạy học được hình thành từ tư duy khoa học, lý thuyết giáo dục hiện đại nhưng không áp dụng được vào thực tiễn nhà trường bởi rất nhiều lí do, từ chính bản thân phương pháp chưa phù hợp, cho đến những yếu tố khác như cơ sở vật chất, khả năng hiểu và thực hiện phương pháp của GV, khả năng nhận thức của học sinh,...

2.3.1.2. Đối tượng thực nghiệm

- Lớp thực nghiệm (TN) Lớp 7A1 (35 học sinh).
- Lớp đối chứng (ĐC) Lớp 7A2 (35 học sinh).

Cả 2 lớp tham gia vào thực nghiệm và đối chứng đều có sự tương đương về số lượng học sinh và các yêu cầu khác như về thái độ, kiến thức, kĩ năng.

2.3.1.3. Nội dung thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành nội dung TN với quy trình vẽ tranh đề tài cuộc sống xung quanh em.

2.3.1.4. Thời gian và địa bàn thực nghiệm

Hai tiết dạy MT vào trong 2 tuần tháng 2 năm 2019 tại trường THCS và THPT Tả Sìn Thành, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

2.3.1.5. Quy trình thực nghiệm

Theo thiết kế bài giảng, tiến trình lên lớp gồm 4 bước:

- Tìm hiểu chủ đề và cách thể hiện
- Thực hành
- Bình luận và đánh giá
- Sáng tạo mở rộng

Vào giờ học, ở bước Tìm và chọn nội dung đề tài, chúng tôi tiến hành theo các bước đã soạn trong bài giảng, chỉ đưa ra câu hỏi thảo luận như:

- Thế nào là tranh phong cảnh?
- Tranh phong cảnh khác với tranh sinh hoạt như thế nào?
- Tranh phong cảnh có mấy dạng....?

2.3.1.6. Xử lý kết quả thực nghiệm

- Thống kê mức độ hoàn thành bài kiểm tra, kết quả kiểm tra của học sinh lớp 7A1, 7A2.

- Xử lý số liệu theo các giá trị: phần trăm và trung bình.
- So sánh kết quả kiểm tra đánh giá 2 lớp 7A1 và lớp 7A2.

2.3.2. Kết quả thực nghiệm

2.3.2.1. Kết quả trước thực nghiệm

Trước khi tiến hành dạy thực nghiệm, tôi tiến hành cho HS làm 1 bài kiểm tra nhỏ, với cùng mức độ, kiến thức, cùng 1 khoảng thời gian, cùng 1 thang điểm chấm.

Chúng tôi thu được kết quả như bảng 2.1; 2.2 và bảng 2.3 như sau:

Bảng 2.1. Kết quả bài vẽ trong giờ kiểm tra trước TN

| TT | Lớp | Hoàn thành tốt | | Hoàn thành | | Chưa hoàn thành | |
|----|-----|----------------|------|------------|------|-----------------|-----|
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | TN | 7 | 20 | 25 | 71,4 | 3 | 8,6 |
| 2 | ĐC | 6 | 17,1 | 26 | 74,3 | 3 | 8,6 |

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát trước khi TN của các lớp TN và ĐC

| Lớp | Số lượng | Số học sinh đạt điểm X_i | | | | | | | | | | \bar{X} | |
|-----|----------|----------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-----------|------|
| | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | | 10 |
| TN | 35 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 4 | 5 | 2 | 1 | 0 | 0 | 5,54 |
| ĐC | 35 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 3 | 7 | 2 | 1 | 0 | 0 | 5,63 |

Bảng 2.3. Xếp loại kết quả đầu vào của các lớp TN và các lớp ĐC

| Lớp | Số lượng | Xếp loại | | | | | | | |
|-----|----------|----------|------|-----|------|------------|------|-----------------|-----|
| | | Giỏi | | Khá | | Trung bình | | Dưới trung bình | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| TN | 35 | 3 | 8,6 | 9 | 25,7 | 22 | 62,9 | 1 | 2,8 |
| ĐC | 35 | 4 | 11,4 | 10 | 28,6 | 20 | 57,1 | 1 | 2,9 |

Kết quả nghiên cứu thu được ở các bảng trên cho thấy rằng: \bar{X} giữa lớp ĐC và TN có mức độ gần tương đương nhau ($5,63 - 5,54 = 0,09$); mức độ kiến thức kĩ năng phân môn MT của HS hai lớp ở mức độ Trung bình. Vậy kết quả học tập phân môn Vẽ tranh của các lớp TN và ĐC trước thời điểm thực nghiệm là như nhau.

2.3.2.2. Kết quả sau thực nghiệm

Sau khi kết thúc giờ dạy thực nghiệm, tôi tiến hành cho học sinh làm 1 kiểm tra nhằm so sánh mức độ nhận thức, kiến thức, kĩ năng của học giữa hai lớp thử nghiệm và lớp đối chứng để có thể so sánh đối chiếu và rút ra kết luận một cách chính xác. Quá trình làm bài nghiêm túc, khách quan, trung thực. Vì vậy tôi đã thu được kết quả được thể hiện ở bảng 2.4, 2.5 và 2.6:

Bảng 2.4. Kết quả bài vẽ trong giờ thực nghiệm

| T T | Lớp | Hoàn thành tốt | | Hoàn thành | | Chưa hoàn thành | |
|-----|-----|----------------|------|------------|------|-----------------|-----|
| | | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | TN | 26 | 74,3 | 9 | 25,7 | 0 | 0,0 |
| 2 | ĐC | 10 | 28,6 | 15 | 71,4 | 0 | 0,0 |

Về kiến thức và kỹ năng, học sinh đã bước đầu đạt được mục tiêu đề ra của bài học, từ kiến thức, kỹ năng phân môn vẽ tranh mà các em cảm nhận và tư duy được. Điều đáng ghi nhận chính là không khí học tập của các em sôi nổi, ý thức của học sinh tham gia môn học trở nên khá tích cực, thời gian trống trong tiết được giảm đáng kể học sinh trở nên hào hứng tham gia hoạt động thảo luận và cùng nhau làm bài nhiều hơn. Bên cạnh đó, vì giao nhiệm vụ cho nhóm

trưởng và nhóm trưởng giao nhiệm vụ cho từng thành viên được cụ thể hóa hơn mỗi thành viên một công việc cụ thể mỗi học sinh được từng bước lên lớp tự mình được trải nghiệm nên học sinh làm việc riêng, mất trật tự cũng giảm đáng kể. Học sinh làm theo sự chỉ huy và hướng dẫn từng bước cụ thể của giáo viên việc học sinh tích cực tham gia tiết thực nghiệm một phần do có yếu tố mới hấp dẫn hơn.

Bảng 2.5. Kết quả đánh giá đầu ra của các lớp TN và ĐC

| Lớp | Số lượng | Số học sinh đạt điểm X_i | | | | | | | | | | \bar{X} | |
|-----|----------|----------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-----------|------|
| | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | | 10 |
| TN | 35 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 | 2 | 6 | 4 | 0 | 8,14 |
| ĐC | 35 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 8 | 1 | 9 | 4 | 0 | 7,09 |

Bảng 2.6. Xếp loại kết quả đầu ra của các lớp TN và ĐC

| Lớp | Số lượng | Xếp loại | | | | | | | |
|-----|----------|----------|------|-----|------|------------|-----|-----------------|-----|
| | | Giỏi | | Khá | | Trung bình | | Dưới trung bình | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| TN | 35 | 19 | 54,3 | 13 | 37,1 | 3 | 8,6 | 0 | 0,0 |
| ĐC | 35 | 9 | 25,7 | 12 | 34,3 | 14 | 40 | 0 | 0,0 |

Từ kết quả nghiên cứu mà tôi thu được cho thấy kết quả đánh giá của học sinh đã có sự thay đổi rõ rệt về điểm số ở các mức độ: Giỏi, Khá, Trung bình ở lớp thử nghiệm có kết quả cao hơn so với lớp đối chứng.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, luận văn đã đề cập đến những yếu tố ảnh hưởng đến biện pháp dạy học môn mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường THCS và THPT Tả Sìn thành huyện tủa chùa tỉnh Điện Biên. Đây là những căn cứ để chúng tôi đưa ra những nguyên tắc xây dựng qui trình tổ chức dạy học và vận dụng phương pháp dạy học trong dạy học ở trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sìn Thành, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên. Trong đó tập trung làm rõ những nguyên tắc sau: tính mục đích, tính khoa học, tính đồng bộ, tính hiệu quả.

KẾT LUẬN

Với việc sử dụng các phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực trong quá trình dạy học có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học này nói riêng và môn Mỹ thuật ở trường THCS nói chung.

Luận văn đã hệ thống hóa được những vấn đề lí luận cơ bản, trên cơ sở đó xây dựng được khung lí luận tương đối đầy đủ cho quá trình nghiên cứu đề tài nghiên cứu. Qua quá trình khái quát các công trình nghiên cứu đã công bố có thể khẳng định đề tài luận văn không trùng lặp với bất cứ công trình nào đã có.

Kết quả nghiên cứu thực trạng dạy học môn mỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên đã cho thấy: trong những năm qua việc dạy và học môn Mỹ thuật nói chung trong điều kiện cơ sở vật chất nhà trường còn vô cùng thiếu thốn về dụng cụ hỗ trợ học tập và học liệu, do vậy việc áp dụng phương pháp dạy học mới và sử dụng các kĩ thuật dạy học còn gặp nhiều khó khăn,... không thể nhanh chóng đạt được kết quả như mong muốn.

Dựa vào những kết quả nghiên cứu lí luận và thực tiễn, đồng thời căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản, tác giả luận văn đã xây dựng một số biện pháp tổ chức dạy học và khắc phục hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả trong dạy học môn Mỹ thuật ở trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, chúng ta cần nhìn nhận rằng không có phương pháp dạy học nào là tốt nhất và duy nhất, mỗi một phương pháp đều có ưu điểm và khuyết điểm để nâng cao hiệu quả giờ dạy, chất lượng của các em học môn Mỹ thuật thì phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là xây dựng chương trình Mỹ thuật chi tiết theo hướng phát triển năng lực của người học trong thời gian tới.